Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3002.13.00

Mã HS	3002.13.00
Mô tả hàng hóa	Máu người; máu động vật đã điều chế dùng cho chữa bệnh, phòng bệnh hoặc chẩn đoán bệnh; kháng huyết thanh, các phần phân đoạn khác của máu và các sản phẩm miễn dịch, có hoặc không được cải biến hoặc thu được từ quy trình công nghệ sinh học; vắc xin, độc tố, vi sinh nuôi cấy (trừ các loại men) và các sản phẩm tương tự; tế bào nuôi cấy, có hoặc không cải biến / - Kháng huyết thanh, các phần phân đoạn khác của máu và các sản phẩm miễn dịch, có hoặc không cải biến hoặc thu được từ quy trình công nghệ sinh học: / - - Các sản phẩm miễn dịch, chưa được pha trộn, chưa đóng gói theo liều lượng hoặc làm thành dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	10/11/2026 18:28:15
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/30021300/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4538
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4538
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4538
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4458
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4419
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4419
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4419
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4419
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4419
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4419
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4457
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4457
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4457
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4457

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4457
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4457
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4461
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4461
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4461
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4461
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4461
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4461
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4461
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4425
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4421
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4421
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4421
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4421
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4421
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4421
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4421
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4421
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4421
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4421
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4421
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4421
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4468
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4468
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4468
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4468

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4468
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4468
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4465
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4465
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4465
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4465
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4465
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4465
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D592
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E592
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4473
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4473
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4473
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4473
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4473
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4473
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4444
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4444
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4444
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4444
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4444
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4444
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4446
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4446
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4446
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4446

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4446
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4446
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4444
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4444
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4444
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4444
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4444
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4444
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4444
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4465
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4465
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4465
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4465
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4465
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4465
RCEP B	2022	2022	0	B!D4465
RCEP B	2023	2023	0	B!E4465
RCEP B	2024	2024	0	B!F4465
RCEP B	2025	2025	0	B!G4465
RCEP B	2026	2026	0	B!H4465
RCEP B	2027	2027	0	B!I4465
RCEP C	2022	2022	0	C!D4465
RCEP C	2023	2023	0	C!E4465
RCEP C	2024	2024	0	C!F4465
RCEP C	2025	2025	0	C!G4465
RCEP C	2026	2026	0	C!H4465

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4465
RCEP D	2022	2022	0	D!D4465
RCEP D	2023	2023	0	D!E4465
RCEP D	2024	2024	0	D!F4465
RCEP D	2025	2025	0	D!G4465
RCEP D	2026	2026	0	D!H4465
RCEP D	2027	2027	0	D!I4465
RCEP E	2022	2022	0	E!D4468
RCEP E	2023	2023	0	E!E4468
RCEP E	2024	2024	0	E!F4468
RCEP E	2025	2025	0	E!G4468
RCEP E	2026	2026	0	E!H4468
RCEP E	2027	2027	0	E!I4468
RCEP F	2022	2022	0	F!D4465
RCEP F	2023	2023	0	F!E4465
RCEP F	2024	2024	0	F!F4465
RCEP F	2025	2025	0	F!G4465
RCEP F	2026	2026	0	F!H4465
RCEP F	2027	2027	0	F!I4465
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4109
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4109
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4109
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4109

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3002.13.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3002.13.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4538), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.